TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2025/DS-PT
Ngày:18 - 3 - 2025
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Trần Hữu Sỹ

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Nghĩa và bà Nguyễn Thị Tuyết Minh

- Thư ký phiên toà: Bà Hoàng Thị Nga - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên toà: Bà Chế Thị Bích Thủy - Kiểm sát viên;

Ngày 18 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Quảng Bình, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 03/2025/TLPT-DS ngày 06 tháng 01 năm 2025 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", do Bản án dân sự sơ thẩm số: 38/2024/DS-ST ngày 19 tháng 11 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình bị kháng cáo, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2025/QĐXXPT-DS ngày 07 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Lê Đại Đ và bà Lê Thị D, đều có địa chỉ tại: Thôn V, xã T, huyện L, tỉnh Quảng Bình; (Bà Lê Thị D ủy quyền cho ông Lê Đại Đ tham gia tố tụng theo văn bản ủy quyền ngày 18/7/2024); ông Đ có mặt.

2. Bị đơn:

- Bà Dương Thị T1; địa chỉ: Thôn V, xã T, huyện L, tỉnh Quảng Bình; bà T1 có mặt.

- Anh Nguyễn Hữu T2 và chị Đinh Thị Hồng T3; đều có địa chỉ tại: Thôn V, xã T, huyện L, tỉnh Quảng Bình. Đều vắng mặt.

Hiện tại anh Nguyễn Hữu T2 đã xuất cảnh ra nước ngoài (xuất cảnh ngày 01/9/2024, chưa có thông tin nhập cảnh), không rõ địa chỉ ở đâu.

3. Người kháng cáo: Ông Lê Đại Đ và bà Lê Thị D là nguyên đơn trong vụ án. Ông Đ có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu trong hồ sơ và bản án sơ thẩm thì nội dung vụ án như sau:

* ***Nguyên đơn ông Lê Đại Đ, bà Lê Thị D trình bày:*** Ngày 10/12/2021, gia đình anh Nguyễn Hữu T2 đã vay của vợ chồng ông Đ, bà D số tiền 285.000.000 đồng, lãi suất 4,2%/tháng. Số tiền này ông Đ, bà D cho vợ chồng anh T2, chị T3 vay, bà T1 đứng ra bảo đảm cho các con; ngày 20/8/2022 vợ chồng anh T2 tự vay thêm 580.000.000 đồng, lãi suất 4,8%/tháng. Tổng cộng số tiền hộ gia đình anh T3 đã vay của ông Đ, bà D là 865.000.000 đồng. Ngày 30/12/2023, vợ chồng ông Đ, bà D đã gửi giấy yêu cầu hộ gia đình anh T2, chậm nhất đến ngày 05/02/2024 phải trả hết số nợ gốc và nợ lãi là 1.215.000.000 đồng. Trong đó nợ gốc là 865.000.000 đồng, nợ lãi là 350.000.000 đồng. Gia đình anh T2 đã nhận được giấy yêu cầu trả nợ, nhưng đến nay vẫn chưa trả tiền cho vợ chồng ông, bà. Vì vậy, ông Đ, bà D khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết buộc gia đình anh T2 phải trả nợ cho vợ chồng ông bà tính đến ngày 20/5/2024 là 1.275.000.000 đồng. Trong đó nợ gốc là 865.000.000 đồng, tiền lãi là 410.000.000 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ngoài việc yêu cầu gia đình anh T2 trả nợ gốc và lãi đến ngày xét xử thì ông Lê Đại Đ còn đề nghị Hội đồng xét xử tuyên: Kể tiếp sau ngày tuyên án sơ thẩm, bên phải thi hành án phải tiếp tục chịu tiền lãi chậm trả nợ gốc vay đối với khoản nợ gốc (865.000.000 đồng) bằng 150% lãi suất vay theo hợp đồng đã được áp dụng trong vụ án, tương ứng với thời gian chậm trả quá hạn khoản nợ gốc này bằng 30%/năm và phải chịu tiền lãi của số tiền lãi (428.830.000 đồng) chậm trả theo mức lãi suất 10%/năm cho đến khi trả hết nợ gốc và nợ lãi trên theo quy định của pháp luật tại các Điều 357, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2017.

* ***Bị đơn bà Dương Thị T1 trình bày***: Năm 2021, bà có vay của ông Đ số tiền 60.000.000 đồng, tuy nhiên số tiền thực nhận là 53.200.000, lãi suất 6.200.000 đồng mỗi tháng. Bà có trả lãi hàng tháng từ tháng 12/2021 cho đến tháng 3/2024 thì dừng trả lãi, mỗi tháng bà trả 6.200.000 đồng. Thời gian gần đây vì điều kiện khó khăn nên bà không trả nữa (việc trả lãi hàng tháng bà không có giấy tờ gì chứng minh), còn giấy vay tiền ngày 10/12/2021 do bà không đọc kỹ và sự tác động của các con của bà là anh T2 và chị T3 nên bà đã ký vào, còn thực tế bà không nhận số tiền 285.000.000 đồng. Còn về giấy vay tiền ngày 20/8/2022 với số tiền 580.000.000 đồng thì bà T1 không hề biết. Bà có nguyện vọng được trả nợ số tiền 60.000.000 đồng mà bà đã vay của ông Đồng, số tiền còn lại bà không chịu trách nhiệm.

- Đối với bị đơn vợ chồng anh Nguyễn Hữu T2 và chị Đinh Thị Hồng T3 không có ý kiến trình bày (do đều văng mặt trong quá trình giải quyết vụ án).

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 38/2024/DS-ST ngày 19/11/2024 của Toà án nhân dân huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình đã quyết định: *Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 357, Điều 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự; căn cứ vào điểm đ, khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 15, Điều 16 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án xử: 1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Đại Đ và bà Lê Thị D: Buộc anh Nguyễn Hữu T2, chị Đinh Thị Hồng T3 phải có nghĩa vụ trả cho ông Lê Đại Đ và bà Lê Thị D số tiền 841.000.000 đồng; trong*

đó nợ gốc: 580.000.000 đồng, nợ lãi: 261.000.000 đồng theo kỷ phần: Anh Nguyễn Hữu T2 phải trả số tiền 290.000.000 đồng tiền gốc và 130.500.000 đồng tiền lãi; chị Đinh Thị Hồng T3 phải trả số tiền 290.000.000 đồng tiền gốc và 130.500.000 đồng tiền lãi;

Buộc anh Nguyễn Hữu T2, bà Dương Thị T3 phải có nghĩa vụ trả cho ông Lê Đại Đ và bà Lê Thị D số tiền 452.830.000 đồng trong đó nợ gốc: 285.000.000 đồng, nợ lãi: 167.830.000 đồng theo kỷ phần: Anh Nguyễn Hữu T2 phải trả số tiền 142.500.000 đồng tiền gốc và 83.915.000 đồng tiền lãi; bà Dương Thị T3 phải trả số tiền 142.500.000 đồng tiền gốc và 83.915.000 đồng tiền lãi.

Kể tiếp sau ngày tuyên án sơ thẩm (19/11/2024) bên phải thi hành án phải tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh đối với khoản tiền gốc (số tiền đã tuyên án) chưa thi hành án cho đến khi thanh toán xong, theo mức lãi suất 20%/năm cho đến khi trả hết nợ gốc và chịu tiền lãi của số tiền lãi chậm trả theo mức lãi suất 10%/năm cho đến khi trả hết nợ lãi.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Hữu T2 phải chịu số tiền 29.867.200 đồng án phí dân sự sơ thẩm; chị Đinh Thị Hồng T3 phải chịu số tiền 18.820.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm để sung quỹ nhà nước. Ông Lê Đại Đ và bà Lê Thị D; bà Dương Thị T1 được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra bản án còn tuyên về quyền thi hành án và quyền kháng cáo cho các bên đương sự.

Ngày 03/12/2024, nguyên đơn ông Lê Đại Đ và bà Lê Thị D có đơn kháng cáo với nội dung: Không chấp nhận quyết định của bản án sơ thẩm về phần lãi phát sinh, lãi chậm trả sau ngày tuyên án sơ thẩm. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử: Kế tiếp sau ngày tuyên án sơ thẩm (19/11/2024) bên phải thi hành án phải tiếp tục chịu tiền lãi trên nợ gốc quá hạn, chậm trả nợ (số tiền 865.000.000 đồng) bằng 150% lãi suất theo hợp đồng đã được áp dụng trong bản án tương ứng với thời gian chậm trả khoản nợ gốc này, cụ thể là mức lãi suất 30%/năm cho đến khi trả hết khoản nợ gốc.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo, đề nghị Tòa án buộc bị đơn phải trả nợ gốc và nợ lãi theo nội dung kháng cáo của ông.

- Bị đơn bà Dương Thị T1 khẳng định bà không hề ký vào giấy vay tiền và bà cũng không bảo lãnh cho các con vay nợ của ông Đ, việc anh T2 và chị T3 có vay tiền của ông Đ hay không thì bà hoàn toàn không biết; anh T2 và chị T3 đã đi khỏi địa phương từ lâu (trước khi ông Đồng khởi kiện) hiện nay làm gì, ở đâu bà không biết. Đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện và nội dung kháng cáo của ông Đ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình phát biểu quan điểm:

+ Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án tại giai đoạn phúc thẩm, những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn có mặt, bị đơn (anh T2 và chị T3) vắng mặt lần thứ hai không có lý do, nên đề nghị Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

+ Về nội dung: Việc thu thập tài liệu, chứng cứ và chứng minh ở cấp sơ thẩm chưa được thực hiện đầy đủ, tại phiên tòa phúc thẩm không thể thực hiện bổ sung được. Mặt khác, trong vụ án có bị đơn (anh Nguyễn Hữu T2) đang ở nước ngoài nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên hủy bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy để giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình giải quyết sơ thẩm lại vụ án theo thủ tục chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Sau khi Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy xét xử sơ thẩm vụ án, nguyên đơn ông Lê Đại Đ, bà Lê Thị D có đơn kháng cáo một phần quyết định của bản án sơ thẩm; thời hạn kháng cáo trong hạn luật định, nên được chấp nhận để xét xử phúc thẩm. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn anh Nguyễn Hữu T2, chị Đinh Thị Hồng T3 vắng mặt lần thứ hai không có lý do, nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1] Theo đơn khởi kiện thì nguyên đơn ông Đ, bà D cho rằng bị đơn bà T1, anh T2 và chị T3 đã vay tiền của nguyên đơn hai lần, tổng cộng là 865.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi tính đến ngày 20/5/2024 là 410.000.000 đồng, tổng cả gốc và lãi là 1.275.000.000 đồng. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, nguyên đơn xuất trình cho Tòa án 02 tờ *Giấy vay tiền*, trong đó 01 giấy vay tiền đề ngày 10/12/2021 có nội dung "*Tôi là Nguyễn Hữu T2, Đinh Thị Hồng T3, Dương Thị T1 ở thôn V, xã T, huyện L đã vay tiền vợ chồng ông Lê Đại Đ, Lê Thị D ở thôn V, xã T, huyện L đến ngày 10/12/2021 là 285.000.000 đồng, lãi suất 12.000.000đ/tháng ...*", cuối giấy vay tiền có chữ ký và ghi tên Nguyễn Hữu T2, Dương Thị T1 và có điểm chỉ hai dấu vân tay bằng mực đỏ; 01 giấy vay tiền đề ngày 20/8/2022, cũng có nội dung tương tự như giấy vay tiền ở trên, tuy nhiên số tiền vay là *580.000.000 đồng, lãi suất 4,8% tháng, ...*", cuối giấy vay tiền có chữ ký và ghi tên Nguyễn Hữu T2, Đinh Thị Hồng T3 và có điểm chỉ hai dấu vân tay bằng mực đỏ. Cả hai tờ giấy vay tiền ở trên đều được viết tay, không có công chứng, chứng thực và không có người làm chứng. Ngoài 02 giấy vay tiền trên thì nguyên đơn còn cung cấp thêm 01 tờ "*Giấy yêu cầu trả nợ gốc và tiền lãi*" đề ngày 30/12/2023 với nội dung yêu cầu gia đình anh T2, chị T3 và bà T1 phải trả nợ cho nguyên đơn tổng cộng 1.215.000.000 đồng, trong đó nợ gốc 865.000.000 đồng và nợ lãi 350.000.000 đồng, trường hợp gia đình anh T2, chị T3, bà T1 không trả thì nguyên đơn sẽ gửi đơn đến cơ quan có thẩm quyền để giải quyết.

[2.2] Quá trình giải quyết vụ án ở cấp sơ thẩm thì bị đơn bà Dương Thị T1 chỉ có mặt 01 lần (tại phiên hòa giải ngày 20/8/2024), nhưng bà T1 không thừa nhận số tiền nợ như đơn khởi kiện của ông Đ, bà D; anh Nguyễn Hữu T2 và chị Đinh Thị Hồng T3 đều vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tài liệu trong hồ sơ vụ án cũng không thể hiện việc anh T2 và chị T3 đã biết được ông Đ, bà D khởi kiện để yêu cầu anh T2, chị T3 trả nợ cho ông Đ, bà D tại Tòa án.

[2.3] Xét thấy: Trong vụ án này, tài liệu để nguyên đơn làm căn cứ khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả nợ cho nguyên đơn là hai tờ giấy vay tiền mà nguyên đơn đã xuất trình trong hồ sơ vụ án. Theo ý kiến trình bày của nguyên đơn thì chính bị đơn đã trực tiếp ký và điểm chỉ vào giấy vay tiền. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án Tòa án sơ thẩm không thu thập được ý kiến của bị đơn (anh T2, chị T3) đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, việc Tòa án sơ thẩm chỉ căn cứ vào hai tờ giấy vay tiền ở trên để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả nợ cho nguyên đơn là chưa đủ cơ sở vững chắc. Trong trường hợp này, để giải quyết vụ án đúng quy định phải có đầy đủ tài liệu, chứng cứ để chứng minh chữ ký, chữ viết và dấu vân tay trong hai tờ giấy vay tiền có phải do bị đơn trực tiếp ký và điểm chỉ hay không. Nếu đương sự không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của mình thì có quyền yêu cầu Tòa án trưng cầu cơ quan chuyên môn tiến hành giám định chữ ký, chữ viết và dấu vân tay trên hai tờ giấy vay tiền để làm căn cứ giải quyết vụ án.

[2.4] Quá trình giải quyết vụ án ở cấp sơ thẩm, Tòa án đã tiến hành về địa phương để giao văn bản tố tụng cho anh T2, chị T3 nhưng do anh T2, chị T3 vắng mặt nên đã lập biên bản niêm yết văn bản tố tụng của Tòa án cho anh T2, chị T3 tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã T ngày 05/9/2024. Tuy nhiên, tại giai đoạn phúc thẩm, theo yêu cầu của Tòa án nhân dân tỉnh thì Phòng Quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh Quảng Bình đã có Công văn số 429/CV-QLXNC ngày 19/02/2025 cung cấp thông tin anh Nguyễn Hữu T2 đã xuất cảnh ra nước ngoài ngày 01/9/2024 qua sân bay Nội Bài, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về Việt Nam. Như vậy, anh T2 đã xuất cảnh ra nước ngoài trước khi Tòa án về địa phương giao giấy triệu tập và niêm yết văn bản tố tụng cho anh T2.

[2.5] Từ các nội dung đã phân tích ở trên cho thấy việc thu thập tài liệu, chứng cứ và chứng minh ở cấp sơ thẩm chưa được thực hiện đầy đủ, tại phiên tòa phúc thẩm không thể thực hiện bổ sung được. Mặt khác, trong vụ án có bị đơn (anh Nguyễn Hữu T2) đang ở nước ngoài nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân cấp tỉnh theo quy định tại khoản 3 Điều 35 và điểm c khoản 1 Điều 37 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy vi phạm về thẩm quyền giải quyết vụ án nên cần hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình để giải quyết sơ thẩm lại vụ án theo đúng quy định.

[3] Do cấp phúc thẩm tuyên hủy bản án sơ thẩm để giải quyết lại vụ án theo trình tự sơ thẩm, nên Hội đồng xét xử chưa xem xét nội dung kháng cáo của nguyên đơn.

[4] Về án phí: Nguyên đơn ông Lê Đại Đ và bà Lê Thị D không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm; trách nhiệm chịu án phí sơ thẩm sẽ được Tòa án xem xét khi giải quyết lại vụ án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự;

1. Hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số: 38/2024/DS-ST ngày 19 tháng 11 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình về vụ án "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" giữa nguyên đơn là ông Lê Đại Đ, bà Lê Thị D với bị đơn là bà Dương Thị T1, anh Nguyễn Hữu T2 và chị Đinh Thị Hồng T3.

2. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình giải quyết sơ thẩm lại theo đúng quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Ông Lê Đại Đ và bà Lê Thị D không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Trách nhiệm chịu án phí dân sự sơ thẩm sẽ được Tòa án xem xét khi giải quyết lại vụ án.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án (18/3/2025).

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- Chi cục THADS huyện Lệ Thủy;
- TAND huyện Lệ Thủy;
- Các đương sự trong vụ án;
- Lưu: Toà Dân sự, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Trần Hữu Sỹ